TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-PT
Ngày: 15/5/2025
V/v tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ái Đoan

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Thu Thúy;

Ông Trần Văn Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2025/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp "Xin ly hôn, nuôi con".

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 33/2025/HNGD-ST ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 797/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Trần Hoàng P, sinh năm 1988 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Võ Huỳnh Bích L, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp E, xã B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn anh Trần Hoàng P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn anh Trần Hoàng P trình bày:*

Anh và chị L cưới nhau năm 2013, được Ủy ban nhân dân xã B, thị xã G nay là thành phố G cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2013.

Thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính, chị L không chăm lo làm mà hay gây chuyện cự cãi.

Nay tình cảm không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh chị có 02 người con chung tên Trần Thị Trâm A, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2010 và Trần Hoàng N, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2014, hiện nay cháu A và cháu N đang sống với chị L; khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung không tranh chấp.

** Bị đơn chị Võ Huỳnh Bích L trình bày:*

Chị không đồng ý ly hôn vì chị muốn gia đình sống chung, chị vẫn đi làm công nhân để lo cho các con.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 33/2025/HNGD-ST ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang áp dụng các điều 28, 35, 39, 92, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Hoàng P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Hoàng P được ly hôn với chị Võ Huỳnh Bích L.

2. Về con chung: Anh chị có 02 người con chung tên:

- Trần Thị Trâm A, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2010;
- Trần Hoàng N, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2014.

Giao 02 người con chung cho chị Võ Huỳnh Bích L được trực tiếp nuôi.

Anh Trần Hoàng P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 người con chung mỗi tháng cho mỗi cháu là 1.170.000 đồng (*Một triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật đến khi 02 người con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Võ Huỳnh Bích L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, hàng tháng anh Trần Hoàng P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Trong trường hợp cần thiết thì xác đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nếu có.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 11/02/2025, nguyên đơn anh Trần Hoàng P kháng cáo yêu cầu: Anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con với lý do anh P sẽ nuôi 02 con hoặc 01 con.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn anh Trần Hoàng P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án và xét yêu cầu kháng cáo của anh Trần Hoàng P: Tòa sơ thẩm xử giao hai con chung cho chị L nuôi và buộc anh P cấp dưỡng cho 02 con là có căn cứ, anh P kháng cáo không đồng ý cấp dưỡng nuôi con với lý do anh P sẽ nuôi 02 con hoặc 01 con nhưng anh không cung cấp thêm chứng cứ gì mới để chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của anh Trần Hoàng P, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Về xác định quan hệ tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm do anh Trần Hoàng P nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng quy định được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Chị Võ Huỳnh Bích L được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị L theo khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án và xét kháng cáo của anh Trần Hoàng P:

Anh P xin ly hôn với chị L, chị L không đồng ý, Tòa sơ thẩm xử về quan hệ hôn nhân cho anh P ly hôn với chị L, các đương sự không có kháng cáo về phần này nên đã có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: có hai con tên Trần Thị Trâm A, sinh ngày 29/8/2020 và Trần Hoàng N, sinh ngày 01/9/2014, do chị L trực tiếp nuôi dưỡng nên Tòa án cấp sơ thẩm giao hai con cho chị L nuôi là có căn cứ. Về mức cấp dưỡng nuôi con chị L yêu cầu anh P cấp dưỡng mỗi cháu 2000.000 đồng/tháng, Tòa sơ thẩm buộc anh P cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.170.000 đồng/tháng, anh P không đồng ý nên có đơn kháng cáo với lý do anh P sẽ nuôi hai con hoặc một con.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh P thừa nhận từ khi anh nộp đơn xin ly hôn với chị L vào tháng 10 năm 2024 cho đến nay thì hai con sống chung với chị L, anh không có cấp dưỡng nuôi con và anh vẫn tới lui thăm các con bình thường.

Nhận thấy, tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTPHội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định:

"Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên không thoả thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng.

Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con."

L1 tối thiểu vùng tại thời điểm Tòa sơ thẩm xử tại thành phố G, tỉnh Tiền Giang là 3.640.000 đồng/tháng hoặc 17.500 đồng/giờ nên quyết định của Bản án sơ thẩm về mức cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.170.000 đồng/tháng là thấp hơn so với quy định tuy nhiên do chị L không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét. Nếu chị L có yêu cầu anh P tăng mức cấp dưỡng nuôi con thì có thể khởi kiện bằng vụ án khác. Tòa sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Anh P kháng cáo yêu cầu: Anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con với lý do anh P sẽ nuôi 02 con hoặc 01 con nhưng anh không cung cấp thêm chứng cứ gì mới để chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận.

Tuy nhiên phần quyết định của bản án sơ thẩm ghi chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P là chưa đúng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ điều chỉnh lại là chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh P.

[3] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

[4] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí: Anh P phải chịu 600.000 đồng án phí sơ thẩm và 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 293, khoản 1 Điều 308, Điều 313, và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Trần Hoàng P.

- Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 33/2025/HNGD-ST ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 92, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 27 và Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Hoàng P.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Hoàng P được ly hôn với chị Võ Huỳnh Bích L.

1.2. Về con chung: Anh chị có 02 người con chung tên:

- Trần Thị Trâm A, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2010;

- Trần Hoàng N, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2014.

Giao 02 người con chung cho chị Võ Huỳnh Bích L được trực tiếp nuôi.

Anh Trần Hoàng P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 người con chung mỗi tháng cho mỗi cháu là 1.170.000 đồng (*Một triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật đến khi 02 người con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Võ Huỳnh Bích L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, hàng tháng anh Trần Hoàng P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Trong trường hợp cần thiết thì xác đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nếu có.

3. Về án phí:

Anh Trần Hoàng P phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí phúc thẩm được trừ vào 600.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 000938 ngày 01/10/2024 và biên lai thu số 0001277 ngày 11/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Gò Công nên còn phải nộp tiếp số tiền là 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố Gò Công;
- Chi cục THADS thành phố Gò Công;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ái Đoan